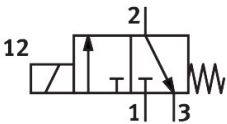


# Van khí

## VOFX-LT-M32C-MY-G18-SG18-1C3-EX4-M

Số bộ phận: 8178212

FESTO



### Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                              |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 3/2 đóng đơn ổn định                                                 |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                                 |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 22 mm                                                                |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 50 l/ph                                                              |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | G1/8                                                                 |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                                               |
| Áp suất vận hành                                           | -0.09 MPA...0.8 MPA<br>-0.9 bar...8 bar<br>-13.05 psi...116 psi      |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Van poppet được kích hoạt trực tiếp                                  |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                         |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                                                 |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                        | theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)<br>theo chỉ thị RoHS của EU |
| Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu            | EPL Db (BR)<br>EPL Db (CN)<br>EPL Db (IEC-EX)<br>EPL GB (BR)         |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                                      | DNVGL-TAA000011J<br>IECEx PTB 15.0016X<br>PTB 14 ATEX 2027 X         |
| Danh mục ATEX Khí                                          | II 2G                                                                |
| Danh mục ATEX Bụi                                          | II 2D                                                                |
| Loại chống cháy nổ Khí                                     | Ex mb IIC T6 Gb                                                      |
| Loại chống cháy nổ Bụi                                     | Ex mb tb IIIC T80°C Db                                               |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài                       | -20°C ≤ Ta ≤ +50°C                                                   |
| Chiều rộng định mức                                        | 1.3 mm                                                               |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                                     |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                  |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                               |
| Nút ghi đè                                                 | khớp                                                                 |
| Kiểu điều khiển                                            | trực tiếp                                                            |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                                                |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                                  |

| Đặc tính                       | Giá trị                                                                                                                               |
|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thời gian bật                  | 100%                                                                                                                                  |
| Lớp cách nhiệt                 | F                                                                                                                                     |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây     | 24 V DC: 2,6 W                                                                                                                        |
| Dao động điện áp cho phép      | +/- 10 %                                                                                                                              |
| Chống cháy nổ                  | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 1 (BR)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 21 (BR)<br>Vùng 21 (CN)<br>Vùng 21 (IEC EX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Môi chất vận hành              | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                  |
| Lớp chống ăn mòn KBK           | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                |
| Tuân thủ LABS                  | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                    |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -10 °C...50 °C                                                                                                                        |
| trọng lượng sản phẩm           | 418 g                                                                                                                                 |
| Cổng nối điện                  | Cáp                                                                                                                                   |
| Chiều dài cáp                  | 3 m                                                                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 1             | G1/8                                                                                                                                  |
| Cổng nối khí nén 2             | G1/8                                                                                                                                  |
| Cổng nối khí nén 3             | M5                                                                                                                                    |
| Ghi chú vật liệu               | Tuân thủ RoHS                                                                                                                         |
| Vật liệu của phốt              | NBR                                                                                                                                   |
| Vật liệu vỏ                    | PA                                                                                                                                    |
| Vật liệu cuộn dây điện từ      | Đồng                                                                                                                                  |